

ANCIENT VIETNAMESE LITERATURE IN SHOWING THE IDENTIFYING TALENT MEN WITHOUT TRADITIONAL EXAMINATIONS

Dinh Thi Huong

Posts and Telecommunications Institute of Technology

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	09/9/2021	Ancient Vietnamese literature has a contribution on providing readers with knowledge of identifying and finding men of talent. Studying this subject will bring out new scientific findings, making great advancements both in researching cultural history and in modern way of searching and furnishing gifted individuals. Through analyzing and comparing ancient Vietnamese literature works and those of China, this research can find out literature contributions on discovering and developing various men of talent in society. talents were found from green mountains, blue waters, pagodas, rural areas, personality qualities, special living situations; or with compassion, deep friendship, and responsibility to the nation and nation. From this research, we can more or less see the beautiful country scene and the brilliant poetry of the ancients. As a result, different new ways of exploring Vietnamese literature in special and Eastern literature in general can be established.
Revised:	28/9/2021	
Published:	28/9/2021	
KEYWORDS		
Ancient Vietnamese literature		
Finding gifted individuals through literature		
Symbol of talent		
Talented people in society		
Attract talented people		

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN VIỆT NAM VỚI SỰ THỂ HIỆN CON ĐƯỜNG TÌM KIẾM NHÂN TÀI KHÔNG QUA KHOA CỬ

Dinh Thị Hương

Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	09/9/2021	Văn học cổ điển Việt Nam có thể đem đến cho người đọc những tri thức về vấn đề nhận diện và tìm kiếm nhân tài trong dân gian. Nghiên cứu về vấn đề đó sẽ mang lại nhiều nhận định khoa học mới, có giá trị ứng dụng không chỉ trong nghiên cứu lịch sử văn hoá mà còn cả trong thực tiễn về con đường tìm kiếm và nuôi dưỡng nhân tài hiện nay. Thông qua việc phân tích và so sánh các tác phẩm văn học cổ điển Việt Nam với các tác phẩm văn học cổ điển Trung Quốc, nghiên cứu này đã góp phần chỉ ra những giá trị của văn học trong việc thể hiện những cách để nhận diện, tìm kiếm, thu phục và nuôi dưỡng các kiểu nhân tài trong dân gian. Tìm nhân tài từ nơi núi xanh, từ vùng nước biếc, từ nơi chùa vắng, từ chôn điền viên, từ phẩm chất tính cách, từ hoàn cảnh khác thường; tìm nhân tài bằng lòng mến đức liên tài, bằng tình tri âm bằng hữu, bằng trách nhiệm với quốc gia dân tộc. Từ nghiên cứu này, ta cũng ít nhiều thấy được cảnh giang sơn tươi đẹp và văn chương gấm vóc của người xưa; từ đây cũng có thể mở ra những hướng tiếp cận mới đối với văn học Việt Nam nói riêng và văn học phương Đông nói chung.
Ngày hoàn thiện:	28/9/2021	
Ngày đăng:	28/9/2021	
TỪ KHÓA		
Văn học cổ điển Việt Nam		
Tìm nhân tài qua văn học		
Biểu tượng cho nhân tài		
Nhân tài trong dân gian		
Thu phục nhân tài		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4992>

Email: huongdt191277@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

236

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Từ các sáng tác văn học, có thể thấy dù ít hay nhiều, trực tiếp hay gián tiếp thì đề tài về sự tìm kiếm và nuôi dưỡng nhân tài vẫn được phản ánh. Do nội dung phản ánh của văn học rất rộng lớn nên đề tài đó còn khá hấp dẫn đối với những người nghiên cứu văn học.

Đã có những điểm bình văn chương về tài của các tác giả, cũng có những điểm bình về một số biểu tượng văn học như các biểu tượng tùng, cúc, trúc, mai, long, phượng..., đó là những biểu tượng của bậc hiền sĩ, quân tử. Với sự lặp lại rất nhiều lần của các biểu tượng này trong văn học cổ điển Việt Nam, có thể gián tiếp thấy rằng phản ánh nhân tài là một nội dung rất quan trọng mà đa phần là ẩn dưới các hình tượng thiên nhiên. Có khá nhiều nghiên cứu đã rất sâu sắc trong việc thể hiện được tâm lòng trân trọng của các nhà thơ với các hình tượng thiên nhiên, tiêu biểu như nghiên cứu của Nguyễn Thu Hằng và Đỗ Văn Hiểu trong bài báo “Thiên nhiên trong *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* của Nguyễn Bỉnh Khiêm từ góc nhìn phê bình sinh thái” đã tổng kết rằng thiên nhiên là “nơi cư ngụ tâm hồn”, là “nơi duy trì sự sống”, là “một khách thể thẩm mỹ” “bình đẳng với con người” và “Nguyễn Bỉnh Khiêm có ý thức vun xới cho thiên nhiên thêm tươi đẹp” [1, tr.68-74]. Nếu xét từ phương diện biểu tượng cho hiền sĩ quân tử của một số hình ảnh thiên nhiên, có thể thấy rằng trân trọng thiên nhiên cũng chính là trân trọng hiền tài, ở gần thiên nhiên cũng là ở gần hiền tài. Các nghiên cứu như vậy chính là một phần gợi ý cho tác giả nghiên cứu này có thêm ý tưởng đi tìm con đường thể hiện nhân tài của thơ văn cổ điển. Ngoài ra, bài báo “Hệ thống tác giả văn học Hán Nôm Việt Nam trong tiến trình phát triển văn học trung đại Việt Nam” của Nguyễn Thị Thanh Chung đã điểm tên thêm rất nhiều những tác giả văn học trung đại ngoài những tác giả mà người nghiên cứu thường nhắc tới, từ đó đi đến nhận định rằng “hệ thống tác giả văn học Hán Nôm có bước phát triển mạnh mẽ của hệ thống tác giả văn học biểu hiện ở sự phong phú của các tầng lớp xuất thân, quá trình mở rộng của các vùng miền, sự nở rộ các thể loại văn học, sự bệ thế của các dòng phái, tổ chức hoạt động văn chương” [2, tr.19-26]. Đây cũng là một phần cơ sở để có thể khẳng định rằng càng nghiên cứu văn học nhiều sẽ càng thấy ở đó biểu hiện muôn kiểu nhân tài, nhất là những nhân tài không có nguồn gốc quý tộc hoặc truyền thống bác học, vì thực tế chính các nhà thơ là những nhân tài.

Xét về các nghiên cứu với đề tài tìm kiếm nhân tài trong lịch sử văn hoá, ta có thể bắt gặp các nghiên cứu tập trung vào việc nghiên cứu chế độ khoa cử trong các triều đại, như thế nghĩa là chủ yếu nghiên cứu về phương diện lịch sử (ít đề cập đến phương diện văn học), hoặc là nghiên cứu về lịch sử khoa cử các triều đại nói chung (có thể dễ dàng tra cứu điều này trên mạng điện tử), hoặc là nghiên cứu lịch sử khoa bảng của riêng tỉnh thành nào đó. Từ đó có thể thấy rằng nếu như có thêm các nghiên cứu con đường tìm tài từ phương diện văn học thì có thể sẽ khiến chúng ta thấy thêm được nhiều điều thú vị hơn nữa trong hành trình bồi dưỡng địa linh nhân kiệt của cha ông.

Cũng có nghiên cứu đã đề cập đến việc ca ngợi nhân tài của người xưa, đặc biệt là ca ngợi phụ nữ tài giỏi. Ngô Thị Thanh Nga và Vi Hồng Chiêm trong bài báo “Một số vấn đề về hiện thực trong *Thánh Tông di thảo*” đã dẫn lời nghiên cứu trước cho rằng các tác phẩm văn học viết thời kỳ đầu như *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Thiên uyển tập anh*... đã ca ngợi tài trí của một số nhân vật phụ nữ trong đó, “bằng mọi cách đã thần thánh họ, đặt họ vào nơi miếu điện linh thiêng hoặc trong những phù đồ nghiêm cấm” [3, tr.17]. Đinh Thị Hương trong bài báo “Từ hình tượng ngư tiều trong thi ca cổ điển Trung Quốc đến hình tượng ngư tiều trong thi ca cổ điển Việt Nam” đã phân tích và tổng hợp những tác phẩm ca ngợi cảnh tượng sống của ngư phủ và tiều phu trong văn học cổ điển, đó là những kiểu nhân tài ở ẩn [4, tr.41-65].

Có nghiên cứu riêng về những phẩm chất của cha ông ta, đặc biệt là về đạo hiếu, điều này ít nhiều góp phần vào sự khẳng định một trong những phẩm chất của nhân tài chính là đạo hiếu, vì đạo hiếu là đạo đầu tiên của con người, “nó là nền tảng, là rường cột, là thước đo nền tảng giá trị của con người Việt Nam” [5, tr.9-13].

Từ các kết quả nghiên cứu trước, có thể khẳng định vấn đề phản ánh nhân tài và con đường tìm tài, nuôi dưỡng nhân tài mà văn học cổ điển Việt Nam đã thể hiện là vấn đề mới của nghiên cứu này.

Về văn bản được dùng khảo cứu, nghiên cứu này chủ yếu sử dụng các tài liệu [6]-[9]; trong đó tài liệu [1] là một bộ sách lựa chọn những tác phẩm văn học viết tiêu biểu thời trung đại, các tài liệu còn lại có nội dung tập hợp những tác phẩm của ba tác giả (Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du), tất cả những tài liệu đó được dùng để khảo sát tiến trình văn học trung đại và thu thập các tác phẩm làm minh chứng cho bài báo.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu liên ngành văn học với văn hoá và lịch sử, tìm cách giải mã các biểu tượng văn học từ mã văn hoá, đối chiếu so sánh văn học, kết hợp phân tích tổng hợp với điểm bình văn học, vừa nghiên cứu lịch sử văn học ở mức độ khái quát, vừa có sự lựa chọn đối với một số tác giả chính đề từ đó có những nhận định khái quát cùng những minh chứng cụ thể.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Cơ sở văn hoá đối với việc thể hiện con đường tìm kiếm nhân tài qua sáng tác văn chương của các tác giả văn học cổ điển Việt Nam

3.1.1. Ảnh hưởng từ văn hoá cổ điển Trung Quốc

Tìm kiếm nhân tài không qua khoa cử được thể hiện trong các giai thoại văn hoá nói chung và văn học cổ điển Trung Quốc nói riêng. Có rất nhiều cách để người ta nhận diện và tìm kiếm nhân tài. Tìm nhân tài từ nơi có những điềm lành về thiên tượng tự nhiên, từ nơi có phong thủy tốt, từ những nơi có thể là chỗ ẩn cư của người tài, từ những đặc biệt về dung mạo, từ những lời sấm ký đồng dao đến những lời tiên cử của người hiền... Có thể dùng chiêu dụ cầu hiền, có thể sai người đi bốn phương tìm kiếm, thậm chí có thể tự mình lặn lội cầu hiền như Lưu Bị ba lần lặn lội đến lều tranh để cầu Ngọa Long. Đa phần thường dùng lễ, dùng chân thành mà cầu người, cũng có khi dùng bổng lộc, dùng sự bao dung, dùng sự ép buộc... Đối với nhân tài còn là thiếu niên, có khi dùng câu đố mà thử, hiện nay còn lưu lại rất nhiều giai thoại thú vị về việc này. Có thể nói rằng, ở phương Đông, Trung Quốc là nơi mà sản sinh khá nhiều lý thuyết, quan điểm, giai thoại về sự nhận diện và tìm kiếm nhân tài. Điều này góp phần làm nên mối liên hệ giữa nhiều lĩnh vực như triết học, văn học, sử học, phong thủy, lý số, quân sự..., cũng góp phần vào sự ảnh hưởng đối với con đường tìm kiếm nhân tài không qua khoa cử ở lịch sử Việt Nam.

3.1.2. Thực tế hoàn cảnh lịch sử văn hoá Việt Nam

Trong thực tế lịch sử phong kiến Việt Nam, những ảnh hưởng văn hoá từ ba luồng tư tưởng (Nho, Phật, Đạo) là rất sâu sắc. Cả ba luồng tư tưởng này đều có thể dẫn dắt nhân tài đến những cảnh tượng ẩn dật khác nhau, vì thế cũng khiến cho cách thức tìm kiếm nhân tài trở nên phong phú, cho dù có tổ chức khoa cử thì việc làm thế nào để người ẩn dật có thể lộ diện ứng thí cũng là vấn đề quan trọng. Mà trong xã hội phong kiến, văn chương chính là nơi thể hiện rõ nhất chí hướng, đạo đức của con người (đó cũng là những biểu hiện phẩm chất của nhân tài), cho nên nhìn vào văn chương có thể thấy tài người khác. Các tác giả vừa thể hiện mình, lại vừa thể hiện người khác, vừa có thể trực tiếp lộ tài, vừa có thể nói một cách rất hàm ẩn. Từ văn chương, có thể thấy tài tác giả, cũng có thể thấy tài của nhiều người khác.

Ngoài ra, hoàn cảnh đất nước, kể cả hoàn cảnh địa lý cũng khiến cho nhiều kiểu nhân tài không dễ dàng lộ diện được trong các cuộc tổ chức khoa cử của triều đình, thành thử nếu như không có người đứng ra tìm kiếm, không nhờ những lời truyền miệng trong dân gian hoặc không nhờ chính các hiền tài tiên cử thì không ít các nhân tài đã phải uổng phí nơi rừng xanh nước biếc. Văn chương đã tự nhận lấy trọng trách này, nhiều nhà thơ đã tự mình đi tìm người ở ẩn và thể hiện việc đó trong sáng tác, ít nhiều nhờ vậy mà các kiểu nhân tài mới có thể được vua chúa và thiên hạ thời đó biết đến, cũng lại lưu truyền được đến ngày nay.

3.2. Văn học cổ điển Việt Nam với sự thể hiện về việc nhận diện nhân tài

3.2.1. Nhận diện nhân tài qua sự xuất hiện của các điềm lành

Văn hoá cổ điển Trung Quốc cho rằng sự xuất hiện của rồng, phượng, kỳ lân thường gắn với sự xuất hiện của thánh nhân hoặc quân vương. Ngoài ra, những câu chuyện lưu truyền về sự xuất hiện của những bậc hiền tài khác cũng thường gắn với những điềm khác biệt từ thiên tượng như xuất hiện hào quang, sao sáng, hoặc gắn với những điềm mộng lành của người mẹ lúc mang thai... Những hành động trong cuộc đời của những con người ấy cũng có thể có những lúc gắn với những điềm triệu tốt lành. Điều này còn có hàm ý rằng bậc hiền tài không phải chỉ do cha mẹ sinh dưỡng mà còn do trời đất núi sông hun đúc mà nên. Ở văn học cổ điển Việt Nam, thỉnh thoảng ta cũng bắt gặp ý này. Nguyễn Trãi nói về Lê Lợi và đất Lam Kinh rằng “Rồng thiêng bay chừ trên Lam kinh”, cả trong thơ Nguyễn Trãi và giai thoại văn học cũng còn lưu về điển tích Lê Lợi bắt được gươm thần, đó chính là một số minh chứng cho sự xuất hiện những điềm lành ứng với sự ra đời hoặc những bước ngoặt cuộc đời của những nhân tài xuất chúng.

3.2.2. Nhận diện nhân tài qua dung mạo

Ấn tượng đầu tiên khi người ta tiếp xúc với người khác chính là ở dung mạo của họ. Người xưa cho rằng dung mạo không chỉ là hình thể bên ngoài của con người mà còn là sự thể hiện của thần khí bên trong. Dung mạo không những thể hiện ra bằng hình tướng như đầu, mình, tay, chân mà còn thể hiện ra cả sắc diện, hành động và lời nói. Văn học cổ điển rất lưu ý đến việc miêu tả dung mạo của con người, đặc biệt là phần thần khí được thể hiện ra. Đã là nhân tài, tất phải ít nhiều có cái thần khí tinh anh được phát tiết ra. Về điều này, văn học cổ điển Trung Quốc thể hiện rõ nhất. Từ trong lịch sử văn học Trung Quốc, có thể thấy dung mạo nhân tài có nhiều kiểu. Có kiểu nhân tài bề ngoài xấu (như nhân vật Bàng Thống trong *Tam Quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung), rất xấu (như nhân vật nữ có tên là Chung Vô Diệm); có kiểu nhân tài mang vẻ ngoài cao lớn khác thường (nhiều tích truyện cho rằng Khổng Tử là người rất cao lớn), lại có người thấp lùn da đen (như Tống Giang trong *Thủy hử* của Thi Nại Am); có người “mặt đẹp như ngọc” (nhân vật Khổng Minh), có người “mặt đỏ như gấc” (Quan Vân Trường), có người mặt dữ dằn mà tính tình thẳng thắn (như Trương Phi, Lý Quỳ); có người cốt cách thanh cao cùng phong vận chinh tề, có người dáng điệu thần tiên cùng phong vận đạo sĩ; có kiểu tài tử trâm anh, có kiểu Nho sinh mộc mạc; có kiểu hiệp khách giang hồ cùng áo toai nón lá, có kiểu tiểu phu mang giày vải leo rừng; có người râu tóc đã phơ phơ, lại có người chưa qua thời niên thiếu, có người mở lời là nhả ngọc phun châu, có người lúc gay cấn càng an nhiên điềm đạm, có người tiếng vang như chuông, có người giọng hùng như trống, có người chỉ hét một tiếng đã khiến chết người (như Trương Phi đứng trên cầu Trường Bản hét một tiếng khiến Hạ Hầu Kiệt bên quân Tào vỡ mật mà chết), có người uốn ba tấc lưỡi nhẹ nhàng mắng kẻ thù khiến kẻ thù ức đến thổ huyết mà vong (Khổng Minh mắng chết Vương Lãng)... Tóm lại, dung mạo của nhân tài xưa nay được miêu tả trong văn học là vô cùng phong phú, tuy rằng có phần được tô điểm thêm bởi ngòi bút tài hoa của các nhà văn song cũng vẫn có không ít phần sự thực đã được lịch sử thừa nhận. Những nhân tài trong văn học Trung Hoa đã trở thành kiểu mẫu ít nhiều ảnh hưởng đến quan niệm trong việc thể hiện dung mạo nhân tài ở văn học cổ điển Việt Nam. Nhân vật Từ Hải và Kim Trọng trong *Truyện Kiều*, một số nhân vật trong *Hoàng Lê nhất thống chí*, nhiều nhân vật trong bài thơ cổ điển Việt Nam đã thể hiện điều này.

3.2.3. Nhận diện nhân tài qua nơi cư trú

Quan niệm địa linh sinh nhân kiệt không phải chỉ có trong văn hoá truyền thống Trung Quốc mà còn thể hiện rất rõ ở lịch sử văn hoá Việt Nam. Việc dựa vào địa linh, dựa vào nơi phong thủy tốt để cư trú, để tu tâm dưỡng tính trước khi xuống núi nhập thế cứu nước giúp đời hoặc sau khi từ quan về nơi phong thủy tốt để ẩn dật chính là con đường mà rất nhiều nhân tài hiền sĩ đã ưa thích. Văn học cổ điển Việt Nam đã phản ánh rất rõ điều này. Xét về nơi cư trú của nhân tài, có thể phân thành ba loại.

Một là, những nơi núi đồi xanh biếc, có thể hội tụ linh khí trời đất. Đây là những nơi được ưa thích nhất đối với rất nhiều kiểu nhân tài. Hình thể của núi, cây cối trên núi, nước trong khe núi là những điều cốt yếu đối với việc nuôi dưỡng nhân tài. Nhiều bài thơ cổ điển Việt Nam đã miêu tả những cảnh tượng núi non mà ở đó bản thân nhà thơ hoặc các bậc hiền tài đã cư ngụ. Cảnh đẹp Côn Sơn trong *Côn Sơn ca* của Nguyễn Trãi, cảnh núi non Hồng Lĩnh trong thơ Nguyễn Du và nhiều những cảnh tượng núi rừng tươi đẹp khác trong thơ đã thể hiện điều này. Trong cảnh tượng núi rừng như vậy, có thể thấy thấp thoáng hình ảnh của một sài môn (một lẽu cỏ đơn sơ mà trang nhã), có thể nghe văng vẳng tiếng đàn cầm, có thể thấy một bàn cờ, có thể thấy một tiểu đồng kiếm củi, có thể thấy đám hươu nai nhón nhơ..., đó có thể là dấu hiệu về sự ẩn dật của nhân tài. Những kiểu nhân tài này sống nơi núi xanh thường ngày đêm đọc sách, dưỡng tính tu tâm, sống nhân ái với người, chan hoà với cảnh, hiểu biết cả muôn thú cỏ cây, có thể thông thạo đường rừng, có thể kiếm thuốc cứu người, có thể kết giao với nhiều tao nhân mặc khách, có thể sống ẩn dật cả đời trên núi, cũng có thể xuống núi giúp đời và lưu danh thiên hạ. Trong số những nhân tài ẩn nơi núi xanh, có thể có người theo đạo Nho, có người theo đạo Lão, có người theo đạo Phật, có người dung hợp cả ba đạo đó. Số lượng nhân tài theo đạo Nho cũng nhiều, theo đạo Phật cũng không ít. Muốn tìm nhân tài nơi núi xanh thì ngoài tìm đến sài môn thì còn có thể tìm đến các ngôi chùa, ở đó có các nhà sư và các tiểu đồng (cũng có thể là các chú tiểu). Nếu như tìm nhân tài mà bỏ qua các ngôi chùa thì thực là đáng tiếc (minh chứng là nhiều nhà sư đã xây dựng cơ đồ triều Lý nước Việt). Trong thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Bình Khiêm và một số bài thơ của những nhà thơ khác đều có những bài miêu tả cảnh đi tìm người ẩn dật là các nhà sư.

Hai là, những nơi sông nước trong xanh, có thể đem lại cho người ta một cảm giác hào sảng khoáng đạt. Những nơi sông nước này cũng thường liền dưới chân núi xanh, tạo nên một vùng non xanh nước biếc. Có những kiểu nhân tài ưa thích vùng sông nước, kết giao bằng hữu huynh đệ nơi nước biếc, sống cảnh áo toai nón lá, hưởng cái thú trắng thanh gió mát, biết vượt sóng gió nước sâu, biết muôn loài thủy tộc, có cái chí tự do tự tại hoặc mong đợi ngày lộ diện thành danh. Những kiểu nhân tài này, hoặc lấy con thuyền làm nhà, đêm ngủ luôn trên sông nước, hoặc lợp nếp nhà cỏ bên sông, dưới chân núi biếc, đem cá tôm đồi lấy gạo củi, làm bạn với tiểu phu và nông phu, biết thêm nhiều chuyện nhân gian thế sự... Những kiểu nhân tài ẩn nơi sông nước ít nhiều mang tư tưởng hình bóng của ông già Lã Vọng và những hình tượng ngư phủ ở vùng sông nước Giang Nam trong văn học cổ điển Trung Quốc. Trong văn học cổ điển Việt Nam, có nhiều bài thơ thể hiện việc các tác giả (hoặc những người không phải tác giả) là những người ẩn dật hoặc ngao du nơi sông nước.

Ba là, những nơi điền viên thôn dã, bình yên thanh đạm, đem lại cho người ta cảm giác nhàn tản, có thể ẩn cư mà vẫn không cách xa thế tục. Có thể lấy việc làm nông để sinh tồn và tiêu khiển, cư trú trong những nếp nhà bình dị, có thể vui với trồng cúc thưởng trà, có thể còn đau đầu chuyện thế sự cũng có thể không vướng tâm chuyện danh lợi quan trường. Những kiểu nhân tài ẩn nơi thôn dã ít nhiều mang hình bóng kiểu Đào Uyên Minh và rất nhiều nhân tài ẩn dật chốn điền viên trong văn học cổ điển Trung Quốc. Về những nơi thôn dã, có thể phân thành hai cảnh tượng. Thứ nhất là nơi thôn dã dưới chân núi, mà dưới núi cũng thường có sông nên nếu như sống ở nơi thôn dã đó thì có thể biết được cả cảnh tượng của sông và núi, người ẩn dật có thể kết giao với nông phu, mục đồng, tiểu phu, ngư phủ; có thể thấy rất rõ những cảnh thôn dã như vậy trong thơ Nguyễn Bình Khiêm (thời gian ông lập am Bạch Vân bên bờ Tuyết Giang để ở ẩn và dạy học trò), trong thơ Nguyễn Du (thời gian ông ẩn dưới chân núi Hồng)... Thứ hai là những nơi thôn dã mà không liền với núi, người sống ở đó có thể thấy được cả cảnh tượng bình yên lẫn cảnh tượng lao động vất vả của con người hay những cảnh tượng thiên tai bốn mùa luân chuyển. Những nhà nho có thể ẩn dật, có thể thành những ông đồ mở lớp dạy đồ nhi, thơ Nguyễn Khuyến chính là đã vẽ ra những cảnh tượng thôn dã như vậy, nếu như muốn tìm kiếm nhân tài thì có thể tìm đến những người ẩn nơi thôn dã hoặc những mục đồng (trẻ chăn trâu), đồ tử (học trò) ở đó.

3.2.4. Nhận diện nhân tài qua hoàn cảnh khốn cùng và những phẩm chất tiêu biểu của họ

Nhân tài thường trải qua những cảnh khốn cùng nhưng trong cảnh khốn cùng họ lại càng bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp, phi thường. Nho gia đã cho rằng bậc đại trượng phu phải là người không phóng túng hoang dâm khi giàu có, không rời dôi ý chí khi nghèo hèn, không khuất phục trước vũ lực (phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu – Mạnh Tử, *Đằng Văn Công hạ*). Từ trong khốn cùng mà bộc lộ phẩm chất, từ khốn cùng mà tạo nên sự nghiệp, lấy khốn cùng để thử thách, lấy khốn cùng để xét người, đó chính là bài học xưa nay thường thấy, cũng là hợp với quy luật của sự phát triển tự nhiên. Trong văn học cổ điển Việt Nam có không ít hình tượng những con người được xây dựng trong hoàn cảnh khốn cùng tăm tối, từ ấy mà trở nên thanh thoát sáng rõ. Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô đại cáo* đã viết về hoàn cảnh của Lê Lợi “Khi Linh sơn lương cạn mây tuàn/ Lúc Khôi huyện quân không một lữ/ Bời trời muốn khốn ta để giao trách nhiệm/ Nên ta càng cố chí để vượt gian nan”.

Có thể nói, nhân tài có nhiều phẩm chất tiêu biểu. Qua văn học, ta có thể dựa vào những đặc điểm phẩm chất thường thấy là *đức hiếu, lòng trung, lập chí hướng, lòng tự cường, sự giản dị*... để nhận diện nhân tài. Đây cũng là những phẩm chất được ca ngợi nhiều trong quan niệm Nho gia. Về đức hiếu, từ văn học cổ điển Trung Quốc đến văn học cổ điển Việt Nam đều có những hình tượng rất gương mẫu, một số tác phẩm đã thể hiện quan niệm lòng hiếu thuận của con người có thể làm cảm động trời đất, có những người trai trẻ có tài vì muốn hiếu thảo với cha mẹ mà không tham dự hoặc từ bỏ con đường thi cử làm quan, sẵn sàng ở nhà kiếm củi nuôi cha mẹ, tiêu biểu chính là hình tượng Chung Tử Kỳ trong lịch sử văn học Trung Quốc và hình tượng Lục Vân Tiên trong văn học Việt Nam. Về lòng trung thành, Nho gia vốn rất coi trọng phẩm chất này, đây cũng là phẩm chất được coi trọng nhất trong đạo nghĩa của bề tôi với vua chúa; nhân tài luôn là người “Lấy đạo trung làm nghĩa cả” (Nguyễn Trãi - *Bảo kính cảnh giới*, Bài 6). Về sự lập chí, nhân tài nhất định phải là người có chí hướng, từ có chí hướng mà có thể kiên định rèn luyện thêm những phẩm chất khác. Có chí hướng nên trong hoàn cảnh nào cũng biết tự cường, biết khiêm nhu, không hờn oán, không tùy ý phóng túng... Rất nhiều bài thơ thể hiện những phẩm chất đa dạng của nhân tài. Mặt khác, nhân tài còn có phần khác với phần đông người thường ở chỗ họ sống trong cảnh lao động mà không thấy khổ sở vất vả, luôn biết cảm nhận và thưởng thức cái thú thanh đạm, biết tự tạo sự phong lưu trong cảnh sống giản dị, biết tự vui và tự nhận mình “trong đại đột có phong lưu” (Nguyễn Trãi – *Quốc Âm thi tập*, Vô đề 3). Cái phong lưu của nhân tài là cái phong lưu về mặt tinh thần, cái phong lưu của người đã thông thạo từ chương kinh sách, nhờ thế mà biết tận hưởng cái thú trăng thanh gió mát, đập tuyết tầm mai, trà dư tửu hậu, chén rượu cuộc cờ, đàm thơ luận đạo...

“Hái cúc ương lan hương bén áo/ Tầm mai đập nguyệt tuyết xâm khăn” (Nguyễn Trãi – *Quốc Âm thi tập*, bài 15)

“Chè mai đêm nguyệt dậy xem bóng/ Phiên sách ngày xuân ngồi chấm câu” (Nguyễn Trãi - *Quốc Âm thi tập*, Vô đề 3)

“Am trúc hiên mai ngày tháng qua/ Thị phi nào đến cõi yên hà/ Bữa ăn dầu có dưa muối/ Áo mặc nài chỉ gấm là/ Nước đường cho thanh tri thưởng nguyệt/ Đất cày ngô ải, lãnh ương hoa/ Trong khi hứng động vừa đêm tuyết/ Ngâm được câu thần dạng dạng ca” (Nguyễn Trãi – *Quốc Âm thi tập*, Vô đề 4)

“Nếu có ăn thì có lo/ Chẳng bằng cài cửa ngáy pho pho/ Ngày nhàn mở cửa xem Chu Dịch/ Đêm vắng tìm mai bạn Lão Bô” (Nguyễn Trãi – *Quốc Âm thi tập*, Vô đề 20)

“Cày mây cuốc nguyệt gánh yên hà” (Nguyễn Bình Khiêm)

“Một mai, một cuộc, một căn câu/ Thơ thần dầu ai vui thú nào/ Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ/ Người khôn người đến chốn lao xao/ Thu ăn măng trúc, đông ăn giá/ Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao/ Rượu đến cội cây ta hãy uống/ Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao” (Nguyễn Bình Khiêm)

Cái âm thanh của một vài câu thần khi có hứng vang lên giữa đêm lạnh (khi mà mọi người đang trong yên ả) thực là cái dấu hiệu của một chân tài, cũng như “một tiếng kêu vang lạnh cả

trời” của Không Lộ thiền sư trên đỉnh núi cao hoang lạnh, đó không phải là những âm thanh có thể thoát ra từ những người thường. Đó là thanh khí, là khí hạo nhiên, là nguyên khí, là khí tinh anh của những con người được đất dưỡng trời sinh trên nền phong thủy Việt.

Còn rất nhiều những bài thơ, câu thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Du... mà ở đó bộc lộ những phẩm chất tinh thần của những anh tài tuần kiệt.

3.2.5. Nhận diện nhân tài qua hệ thống biểu tượng văn học

Trong văn học cổ điển Việt Nam, có nhiều vật trở thành biểu tượng cho nhân tài. Đó là tùng, trúc, cúc, mai, cá chép, chim hồng... Mỗi vật có những phẩm chất chung, lại có những phẩm chất riêng cho một kiểu nhân tài. Thí dụ, tùng là biểu tượng cho kiểu nhân tài mang phẩm chất cương kiện trung chính, có thể ở ẩn suốt đời trên núi cao, cũng có thể trở thành rường cột cho nước nhà, bài *Tùng* của Nguyễn Trãi và bài *Tùng* của Nguyễn Bình Khiêm đều có những ý như vậy. Trúc là biểu tượng cho người tài mang phẩm chất ngạo sương nghêh tuyết, có thể tự lực tự cường, cũng có thể mang phẩm chất hư tâm như phẩm chất của người thiền (vì thân trúc rỗng nên mang thêm hàm ý này). Mai là biểu tượng của cao nhân hiền sĩ, cốt cách thần tiên thoát tục, hao gầy mà kiên định. Cúc là biểu tượng của nhân tài ở ẩn nơi thôn dã, sống hoà thuận với người thôn quê mà vẫn giữ được phẩm chất chịu đựng sương gió của riêng mình. Cá chép là biểu tượng của nhân tài luôn muốn vượt Vũ Môn mà chim hồng là biểu tượng của kẻ mang trong mình chí lớn, bay chín tầng mây... Sự thể hiện những biểu tượng này trong văn học rất phong phú. Mỗi kiểu nhân tài lại cũng có những sự yêu thích riêng với những biểu tượng này. Nhìn họ yêu thích loại nào, thể thấy ít nhiều phẩm chất của họ như loại đó. Thấy phẩm chất họ loại nào, người dụng tài có thể giao trọng trách hợp với việc thể hiện phẩm chất đó. Vì một số hình tượng thiên nhiên là biểu tượng của nhân tài nên tìm về ở ẩn với thiên nhiên cũng chính là ẩn ý về ở gần nhân tài vậy.

3.3. Văn học cổ điển Việt Nam với sự thể hiện về cách thức tìm kiếm nhân tài

3.3.1. Nhà vua dùng chiếu cầu hiền

Dùng chiếu cầu hiền chính là việc thường làm đầu tiên với một vị minh quân sau khi lên ngôi vị. Năm 1429, Nguyễn Trãi đã thảo chiếu cầu hiền cho vua Lê, lời lẽ trang nghiêm mà nhã nhặn khiêm nhu, vừa kêu gọi hiền sĩ tự xuất đầu lộ diện, vừa trao trách nhiệm cho bá quan văn võ phải biết tiến cử hiền tài. Đáng chú ý là, chiếu có nói rõ rằng ai càng tiến cử được người tài cao thì người tiến cử càng được trọng thưởng lớn, còn những người không được ai biết đến mà tiến cử thì cũng đừng xấu hổ khi cho rằng mình tự ứng cử là “đem ngọc bán rao”. Sau này, gần cuối thế kỷ 18, Ngô Thì Nhậm thay vua Quang Trung thảo chiếu cầu hiền, thuyết phục sĩ phu Bắc Hà cộng tác với triều Tây Sơn. Vừa kêu gọi, vừa khích lệ, vừa trao quyền, vừa giao trọng trách; vừa khiêm nhu, vừa kiên quyết, vừa tao nhã, vừa trang trọng..., bài chiếu thực khó mà khiến hiền sĩ không muốn ra góp mặt giúp đời. Như vậy, nếu dùng chiếu để cầu hiền thì không những thể hiện được cái đức và sự sáng suốt của vua mà còn có thể cùng lúc thu dụng được nhiều nhân tài ở nhiều lĩnh vực khác nhau, rất cần cho thời gian đầu của vương vị, lại cũng tác động trúng vào tâm lý của hiền tài rằng không đến nỗi phải hiền tài tự mình phải tìm đường tiến thân mà lại còn có thể trở thành người có công sức gây dựng gốc rễ của triều đại. Chỉ cần các bề tôi ở dưới vua cũng có lòng trong sáng, không tiến cử kẻ bất tài, không tìm cách che lấp hiền tài thì việc dùng chiếu cầu hiền là điều rất đáng được xưng tụng ở các ông vua.

3.3.2. Vua sai sứ giả tìm kiếm nhân tài

Việc sai người đi khắp nơi tìm kiếm nhân tài cũng là điều không hiếm. Điều này là vì mấy lẽ. Một là, nơi thôn dã xa xôi, nơi thâm sơn cùng cốc, những người tài không phải ai cũng được người khác biết đến mà tiến cử, lại cũng có người muốn ẩn dật cả đời, nếu như không gặp hoàn cảnh đặc biệt, không vì quá cảm kích thì chưa hẳn đã muốn xuất đầu lộ diện. Hai là, thường khi triều đình gặp cơn hoạn nạn, lúc đó mới thực sự cần người giúp đỡ nên phải sai người đi khắp nơi mà cầu người. Trong truyền thuyết dân gian, truyện về sứ giả gặp được Thánh Gióng khi còn nhỏ

chính là minh chứng cho điều này. Sứ giả thường phải lặn lội đến cả những vùng hẻo lánh, dựa vào những lời đồn dao, truyền tụng trong dân gian mà tìm đến người. Gặp được người rồi, lại thường phải dùng đến thử thách để mà kiểm chứng. Về điều này, có thể thấy trong các câu chuyện dân gian và một số truyện truyền kỳ về việc sứ giả thử thách tài của trẻ con, hoặc dùng câu đối, hoặc dùng câu đố...

3.4. Văn học cổ điển Việt Nam với sự thể hiện về cách ứng xử và nuôi dưỡng nhân tài

3.4.1. Thú tầm mai đập tuyết, lòng tiếc đức thương tài

Tầm mai đập tuyết là một thú vui của các bậc tao nhã thời xưa. Loài mai mà người xưa thường ca ngợi là bạch mai, là loài ưa lạnh, thường ở nơi núi cao rừng sâu, tượng trưng cho nhiều phẩm chất cao quý của người ẩn dật. Người muốn thưởng mai thường phải băng qua sương tuyết, trải nhiều gian khó trong rừng núi. Như thế, việc đi tìm mai cũng có thể hàm ý chỉ việc đi tìm người ẩn dật, tìm cao nhân hiền sĩ. Vì tiếc đức thương tài, vì mến ngưỡng phẩm hạnh mà không ngại gian khó, chỉ mong được diện kiến mai hoa. Trong thơ văn cổ điển Trung Quốc và Việt Nam, có những bài thơ đã miêu tả thú này của các nhà thơ, nhìn rộng ra đó chính là thú vui của các bậc cao nhã. Phẩm hạnh của người ẩn dật và phẩm hạnh của người đi tìm người ẩn dật đều rất đáng được ca ngợi. Không những đi tìm mai, gặp được mai rồi còn có thể thi lễ với mai, điều này thấy rất rõ trong câu thơ “Nhất sinh đề thủ bách mai hoa” (Suốt đời chỉ cúi đầu trước hoa mai) của Cao Bá Quát. Như thế, không phải dễ mà được diện kiến nhân tài, được diện kiến rồi còn có thể phải khiêm cung thi lễ. Lịch sử xưa nay đã chứng minh, đối với nhân tài thực thụ không thể dùng lời mà gọi, càng không thể dùng lợi mà mời, không thể dùng vũ lực mà ép buộc (như Tào Tháo khi xưa muốn có được Từ Thử đã cho người bắt mẹ Từ Thử rồi sai người giả thư mẹ Từ Thử để gọi Từ Thử về với Tào Tháo trong khi Từ Thử đang ở với Lưu Bị, Từ Thử tưởng thư là thật nên vì chữ hiếu mà giả từ Lưu Bị, trước khi đi còn tiễn cử Khổng Minh cho Lưu Bị, Từ Thử chẳng ngờ rằng mẹ mình quyết không muốn con trai thờ Tào Tháo nên khi thấy Từ Thử trở về thì bà tự vẫn trong giận dữ, Từ Thử thấy vậy vô cùng đau lòng, tuy ở với Tào Tháo mà quyết không bao giờ bày một mưu kế gì cho Tào Tháo cả, sau này còn tìm cách lánh thân, như thể điển tích này là một bài học sâu sắc cho những ai định lấy vũ lực và gian dối để đối đãi nhân tài). Không gì bằng lấy tâm truyền tâm, lấy sự chân thành cầu hiền mà đối đãi, cũng không thể chỉ lấy tài năng để thu phục tài năng, người thực sự tài năng chỉ có thể bị thu phục bởi lòng nhân từ cầu hiền, như Lưu Bị đã cầu Khổng Minh vậy (Lưu Bị chẳng những phải ba lần lặn lội đường xa, chịu mưa gió khổ cực đến tìm Khổng Minh mà khi đến rồi lại gặp lúc Khổng Minh đang ngủ, Lưu Bị cứ đứng chấp tay thi lễ đợi ngoài cửa, đến khi Khổng Minh tự dậy mới dám vào bái kiến, không dám nhờ tiểu đồng làm kinh động đến giấc ngủ của Khổng Minh, đây là chi tiết nhỏ nhưng rất nhiều ý nghĩa, thể hiện sâu sắc lòng người đi cầu hiền). Có thể nói, trong mọi cuộc kiếm tìm, những cuộc kiếm tìm những tài năng ẩn dật là thú vị nhất, rất đáng được ca ngợi, lịch sử xưa nay đã chứng minh như vậy. Trong thơ cổ điển Trung Quốc và thơ cổ điển Việt Nam cũng có nhiều bài với nội dung tìm ẩn giả, đó là minh chứng cho lòng mến đức thương tài, cho điều mà người xưa vẫn gọi là “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Nếu như có thể tổng hợp và nghiên cứu sâu sắc thêm về những bài thơ mang nội dung tầm ẩn giả, ta có thể thấy rất nhiều thú vị trong đó, đặc biệt là về sự đối đãi với nhân tài ở ẩn.

Ngoài sự thể hiện lòng mến đức thương tài, sự vượt gian khó để cầu hiền, thơ cổ điển còn có những bài thể hiện sự nuôi dưỡng nhân tài.

Bài *Tài mai* (Trồng mai) của Cao Bá Quát có hàm ý chỉ sự sinh dưỡng nhân tài qua việc trồng mai. Đem hạt mai (loại hạt giống của sự thanh tao) gửi lên núi xanh, đợi khi xuân đến, sẽ được bức họa tuyệt tác cho người đời cùng ngắm (Thí tương mai tử trịch sơn gian/ Nhất ác thanh tư ký bích loan/ Ký thủ lai thời xuân sắc hảo/ Dĩ nhân công tác họa đồ khan - *Đầu non nắm hạt mai gieo/ Giống thanh gửi chốn núi đèo xanh tươi/ Nữa mai xuân điểm bầu trời/ Bức tranh tuyệt tác cho đời ngắm chung* – Hoàng Tào dịch) [10, tr. 72].

Nhân tài có khi như cây tùng dưới khe núi (theo lẽ thường, tùng hay mọc trên núi cao, vì thế người đời tìm tùng thường lên núi cao mà tìm, ít khi tìm tùng nơi khe nước), nếu không được người có mắt tinh đời để ý thì có thể uổng phí một đời tùng, như nhân tài chưa được trọng dụng vậy. Có điều, tùng không vì thế mà hờn oán, vì tùng có được cái thú thưởng ngoạn cảnh hoa nhàn cỏ nội, hay ít nhất cũng được một người như tác giả Trần Tung biết đến (Tối ái thanh tùng chủng kỷ niên/ Hưu ta địa thế sở cư thiên/ Đồng lương vị dụng nhân hưu quá/ Dĩ thảo nhàn hoa mãn mục tiền). Biết nhìn tài khi tài còn trong niên thiếu, biết tìm tài ở những nơi ẩn khuất, biết một mình âm thầm nuôi dưỡng tài để sau này tài phục vụ thiên hạ, đó chính là những điều quý báu mà những bài thơ như trên hàm chứa.

3.4.2. Đối đãi với những bậc tài nữ, anh thư

Xưa nay, nói đến những phụ nữ tài giỏi, người ta thường dùng từ *tài nữ, anh thư*. Nếu nói đến nhân tài mà chưa nói đến những bậc *tài nữ, anh thư* thì thực là thiếu sót. Chỉ xét trong nền văn học cổ điển Việt Nam, ta đã có thể kể đến những người phụ nữ có tài đức như Ngô Chi Lan (còn gọi là Kim Hoa nữ học sĩ), Nguyễn Thị Lộ (vợ của Nguyễn Trãi), Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Huyện Thanh Quan... Từ thơ văn và vị trí của họ cũng có thể ít nhiều cho thấy cách giao đãi ứng xử của xã hội với thân phận họ nói riêng và phụ nữ tài năng nói chung. Ngoài ra, một số nhà thơ qua tác phẩm của mình cũng có thể ít nhiều thể hiện cách nhìn nhận đánh giá của họ với phụ nữ tài năng. Nghiên cứu này không chú trọng nhiều vào việc nhận định các cách giao đãi ứng xử mà xã hội thời đó đã thể hiện với phụ nữ tài năng nhưng có một vài điểm ý dưới đây.

Thứ nhất, những phụ nữ tài năng mà biết giữ khuôn phép lễ giáo, lại có thêm xuất thân từ danh gia vọng tộc thì có thể cũng dễ được xã hội thừa nhận và được đặt vào những vị trí đáng trân trọng để có thể nêu gương tài năng và phẩm hạnh

Thứ hai, Hồ Xuân Hương là một hiện tượng đặc biệt, năng rất tài năng nhưng vì nhiều lí do (trong đó có cả những lí do về sự phản ứng của nàng với những lễ giáo phong kiến) thì số phận có thể rất éo le, trắc trở, tài năng ít được nhìn nhận và trọng dụng. Việc nàng chế giễu học trò dốt «Khéo khéo đi đâu lữ ngẩn ngơ/ Lại đây cho chị dạy làm thơ», hoặc việc mong muốn thay đổi số phận «Vĩ đây đòi phận làm trai được/ Thì sự anh hùng há bấy nhiêu» hay khả năng ứng biến khi bị ngã «Giơ tay với thử trời cao thấp/ Xoạc cẳng đo xem đất vẫn dài»... như một sự phản tự khẳng định tài năng của mình (nếu là người đã được xã hội thừa nhận và trọng dụng tài năng thì có lẽ sẽ không thể dễ dàng phát ngôn như vậy). Chỉ một số ít người nhìn thấy tài năng của nàng, phẩm hạnh của nàng mới có thể cùng nàng kết giao tri âm bằng hữu. Nguyễn Du là người trong số ít đó, có nhiều giai thoại còn lưu đến ngày nay về những cuộc đối thơ giữa Xuân Hương và Nguyễn Du. Từ cuộc đời Xuân Hương, có thể thấy rằng trong một số trường hợp và hoàn cảnh đặc biệt, người ta có thể nhận diện nhân tài nữ từ những lời nói khác thường của họ (có thể là những lời kiêu ngạo, thách thức, giễu cợt, đối đáp...), và họ có thể là người thực sự rất có tài đức, cần có người tương thông tương cảm.

Thứ ba, đối với tài nữ, anh thư thì nói như Nguyễn Du là «Tài nên trọng mà tình nên thương», không thể dùng quyền thế hay vũ lực mà ép họ thể hiện tài năng. Thông thường, trước mặt người khác, phụ nữ thường giấu tài năng của mình, họ thường chỉ bộc lộ khi ở một mình hoặc gặp hoàn cảnh đặc biệt có nhã hứng mới lộ ra, hoặc khi được người khác trân trọng thỉnh cầu. Như nàng Kiều của Nguyễn Du, nàng đâu có tự lộ tài của mình, chỉ khi được Kim Trọng, Thúc Sinh, Từ Hải thỉnh cầu nàng mới gảy đàn. Còn như khi bị Hoạn Thư và Hồ Tôn Hiến ép đàn thì tiếng đàn đầy ai oán tủ nhục và «Bốn dây như khóc như than» «Bốn dây nhỏ máu năm đầu ngón tay»; như thế ép người ta lộ tài có khác nào giết chết người ta, dù là chết về tinh thần. Cho nên, có thể thấy, để dụng tài người khác, nhất là dụng tài của phụ nữ, cần phải khiến người ta tình nguyện mà dâng tài, khi ấy tài người ta mới thực là anh hoa phát tiết, người dụng tài cũng vì thế mà được thơm lây. Việc dùng quyền thế mà ép tài, luôn luôn là hạ sách. Đối với những tài năng nghệ thuật, nếu có thể thì cần dùng đến tình tri âm bằng hữu, tài liên tài, tình liên tình mới được. Ngoài ra, còn phải hợp với hoàn cảnh của trời đất, lựa chọn thời điểm thích hợp của khung cảnh mới hiển lộ tài,

vì xét cho cùng tài năng ít nhiều là do trời phú, dùng tài lúc hay nhất cũng là lúc hợp ý trời ý đất, mà ý trời đất lộ ra chính là gió mưa hay nắng ấm vậy.

4. Kết luận

Nhìn một cách khái quát, văn học cổ điển Việt Nam giống như một cuốn bản đồ chỉ đường để người ta có thể nhận diện và tìm kiếm nhân tài. Các kiểu nhân tài mà văn học chỉ ra rất phong phú, trong nhân gian đều có nhưng không dễ kiếm tìm, đòi hỏi người muốn dụng tài phải thực sự có lòng mến đức liên tài. Rất khó để có thể bao quát hết những cảnh tượng mà ở đó có thể có nhân tài, khó có thể điểm ra hết những đặc trưng phẩm chất của nhân tài mà văn học đã thể hiện, cũng khó thấy hết những con đường tìm tài mà người xưa đã đi. Nếu như có thể nghiên cứu sâu sắc hơn về vấn đề này đối với sáng tác của từng tác giả, ta còn có thể tiếp tục phát hiện ra những vấn đề khoa học thú vị nữa, còn có thêm những ứng dụng trong công cuộc tìm tài và trồng người ngày nay. Ngoài ra, nghiên cứu vấn đề này còn có thể thấy thêm lòng tiếc đức thương tài, tình thân nhân văn trong tâm hồn cha ông người Việt, cũng thấy thêm về những cảnh tượng phong thủy và hạo khí sông núi càn khôn đã sinh dưỡng con người đất Việt, để thấy rằng sẽ không bao giờ đất Việt thiếu anh tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. H. Nguyen, "Nature in Bach Van poetry book of Nguyen Binh Khiem from the perspective of ecocriticism (in Vietnamese)," *HNUE Journal of science*, vol. 66, no. 3, pp. 68-74, 2021.
- [2] T. T. C. Nguyen, "System of the Han – Nom literature authors of Vietnam (in Vietnamese)," *HNUE Journal of science*, vol. 62, no. 2, pp. 19-26, 2017.
- [3] T. T. N. Ngo and H. C. Vi, "Some issues of reality in Thanh Tong di thao (in Vietnamese)," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 225, no. 15, p. 18, 2020.
- [4] T. H. Dinh, "The image of a fisherman and woodcutter in Chinese and Vietnamese ancient literature (in Vietnamese)," *HNUE Journal of science*, vol. 65, no. 5, pp. 41-52, 2020.
- [5] T. L. A. Ngo and T. T. Hoang, "The meaning of filial piety for the family relationship in Vietnam today (in Vietnamese)," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 191, no. 15, pp. 9-13, 2018.
- [6] National Center for Social Sciences and Humanities, *Vietnamese literature selection*, vols. III - VIII, Social science Publishing House, Hanoi, 2004.
- [7] Institute of History, Social Sciences Committee of Vietnam, *Nguyen Trai full episode*. Social science Publishing House, Hanoi, 1976.
- [8] B. N. Nguyen, *Nguyen Binh Khiem - Vietnamese historical celebrity*. Information culture Publishing House, Hanoi, 2012.
- [9] T. Le and C. Truong, *Kanji poetry by Nguyen Du*. Literature Publishing House, Hanoi, 2012.
- [10] K. Vu and H. S. Nguyen, *Cao Ba Quat's poetry*. Hanoi Publishing House, Hanoi, 2010.